

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/DS-PT

Ngày: 31-3-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tấn Quốc

*Các Thẩm phán:* Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Bà Lê Thị Bích Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 84/2020/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Thạnh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: khu phố 2, thị trấn Thạnh H, huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà N:* chị Ngô Thị Như N1, sinh năm 1992. Địa chỉ cư trú: khu phố 2, thị trấn Thạnh H, huyện Thạnh H, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 27/02/2020).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

2. Bà Phùng Thị Cẩm L, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ cư trú: khu phố 2, thị trấn Thạnh H, huyện Thạnh H, tỉnh Long An;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T và bà L:* bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1957. Địa chỉ cư trú: Số 114 Huỳnh Việt T, Phường 2, thành phố Tân A, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 02/12/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Ngô Thanh H, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: khu phố 2, thị trấn Thanh H, huyện Thanh H, tỉnh Long An.
- *Người kháng cáo:* ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L, bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2019 và lời trình bày của chị Ngô Thị Như N1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Huỳnh Thị Kim N có nội dung như sau:*

Trước đây, vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L thường xuyên vay của bà N số tiền 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, vay một vài ngày trả lại, ông T và bà L bắt đầu vay tiền của bà N số tiền lớn từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng khoảng từ năm 2015 đến năm 2018. Quá trình vay đều có làm giấy nợ, khi thì bà N viết trong sổ của bà N, khi thì giấy vay do ông T viết sẵn mang đến, sau khi vay, khi nào ông T trả nợ thì bà N đều có tính cả vốn và lãi mà ông T phải trả. Đối với những số tiền vay ghi và ký trong sổ của bà N thì bà N tính cả vốn và lãi rồi ghi trong sổ để lưu và đồng thời viết cho ông T một bản để ông T đối chiếu, khi đối chiếu xong ông T không có ý kiến gì thì bà N mới gạch bỏ sổ. Đối với những giấy vay nợ do ông T viết sẵn thì bà N viết trực tiếp lên giấy đó để tính cả vốn và lãi mà ông T phải trả để ông T về đối chiếu, sau khi đối chiếu thống nhất và trả xong thì gạch sổ và xóa bỏ giấy nợ rồi đưa lại cho ông T.

Vào ngày 24/5/2018, ông Nguyễn Văn T có vay của bà N số tiền 500.000.000 đồng, ông T có viết giấy nhận nợ cho bà N, giấy nợ ghi ngày “24/5/1018” là do ông T viết nhầm năm, thực chất ngày vay là ngày 24/5/2018. Thời hạn vay thỏa thuận miệng khoảng 2 - 3 hoặc 01 tuần trả, lãi suất thỏa thuận miệng 2.000đ/ngày/1.000.000 đồng, mục đích ông T vay tiền là để đi mua lúa. Tuy nhiên, khi ông T đến trả số tiền nợ của những khoản vay khác thì bà N yêu cầu ông T trả khoản nợ vay này thì ông T không đồng ý trả. Từ khi vay số tiền này đến nay ông T chưa trả cho bà N số tiền lãi cũng như tiền gốc. Vào tháng 7 năm 2018, bà N có khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền trên, đến ngày 21 tháng 9 năm 2018 thì bà N rút đơn khởi kiện đối với ông T, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Do ông T và bà L vẫn chưa trả tiền cho bà N nên bà N khởi kiện yêu cầu ông T và bà L phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà N và ông H số tiền nợ vay 500.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T do bà Lê Thị Kim A là người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung:*

Ông T có quan hệ làm ăn (vay tiền) với bà Huỳnh Thị Kim N tính đến tháng 6/2018 là hơn 10 năm. Việc vay mượn từ số tiền nhỏ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, ông T đều trả đúng hạn cho bà N. Sau đó, ông T bắt đầu vay tiền của bà N số tiền lớn từ 200.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng khoảng

từ năm 2015 đến năm 2018. Ban đầu khi vay, bà N ghi trong sổ và ông T ký tên vào sổ, khi ông T trả tiền vay thì bà N gạch bỏ và xóa sổ chứ không làm biên nhận hay giấy đã trả nợ gì cho ông T. Về sau này thì mới viết giấy nợ, khi trả tiền thì bà N đưa lại giấy nợ cho ông T.

Trong ngày 24/5/2018, ông T có vay của bà N hai khoản tiền, buổi sáng ông vay số tiền 500.000.000 đồng, ông đã nhận đủ số tiền vay. Đến chiều ngày 24/5/2018, ông T vay thêm của bà N số tiền 5.000.000 đồng, mục đích là để đi đám tiệc. Cả hai khoản nợ trên ông T có viết biên nhận nợ cho bà N. Số tiền ông vay 5.000.000 đồng ông thoả thuận miệng vài ngày trả, vay lãi suất 2.000đ/ngày/1.000.000 đồng. Khoảng 3, 4 ngày sau thì ông T đã trả số tiền vay 5.000.000 đồng cho bà N, ông T không có lấy lại giấy vay số tiền 5.000.000 đồng do ông trả cho bà N tại quán chứ không có vào nhà nên không có lấy giấy vay tiền. Đối với số tiền 500.000.000 đồng, một thời gian sau ông T đã trả cho bà N tại nhà, bà N cũng trả lại giấy cho ông T, do thời gian trả tiền đã lâu nên ông T không còn giữ lại giấy tờ. Vì ông T nghĩ đã trả tiền rồi thì thôi, không giữ lại làm gì. Ông T đã trả cho bà N nhưng ông T không nhớ trả ngày nào.

Ông xác định giấy ghi nợ 24/5/1018 (thực tế ngày vay là 24/5/2018) do bà N cung cấp thì ông chỉ vay 5.000.000 đồng và có viết bằng chữ là năm triệu chẵn, không có việc bà N kêu lại. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông T không đồng ý.

Về giấy vay nợ do bà N cung cấp, ông T thừa nhận ông có viết giấy nợ cho bà N. Tuy nhiên, giấy nợ ghi ngày 24/5/1018 do bà N cung cấp, ông chỉ nợ số tiền 5.000.000 đồng và có viết bằng chữ là “năm triệu chẵn”, 3 số 0 phía sau không phải là chữ số do ông viết, đồng thời chữ viết “năm trăm triệu chẵn” không phải do ông viết. Về ngày tháng vay trong giấy nợ ghi ngày 24/5/1018, đây là do viết nhầm năm, thực tế là ông T vay tiền của bà N vào ngày 24/5/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đồng ý trả cho bà N số tiền 500.000.000 đồng. Ông T chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền 5.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi, số tiền vay này do một mình ông T vay, không liên quan đến vợ ông T.

*Bị đơn bà Phùng Thị Cẩm L trình bày:* việc ông T vay tiền bà không biết, không liên quan nên không đồng ý cùng ông T liên đới trả nợ.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thanh H trình bày:* ông là chồng bà N, ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà N, không có ý kiến gì khác.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:* 84/2020/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa căn cứ vào vào các Điều 26, 35, 39 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 469, 288, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim N đối với ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Kim N và ông Ngô Thanh H số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng; nghĩa vụ chậm thi hành án; án phí; chi phí tố tụng; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 29/12/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Lê Thị Kim A vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn lý do ông T đã trả hết số tiền nợ cho bà N rồi. Cụ thể bà A xuất trình tại Tòa án phúc thẩm ba giấy vay tiền ghi ngày 24/5/2018 ông T vay của bà N với số tiền 500.000.000 đồng, ngày 09/6/2018 vay 500.000.000 đồng và ngày 13/6/2018 vay 400.000.000 đồng do ông T ghi và bị gạch chéo. Trong khi 02 khoản vay ngày 09/6/2018 và 13/6/2018, ông T đã trả cho bà N rồi thì không thể nào khoản vay ngày 24/5/2018 ông T chưa trả mà bà N có thể cho ông T vay tiếp. Ngoài ra, tại bản án số 12/2019/DS-ST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa chị N1 có lời trình bày bà N có viết thêm ba con số "0" vào phía sau của số "500.000" nên đã chứng minh khoản vay mà bà N đi kiện chỉ là 5.000.000 đồng và ông T đã trả xong khoản 5.000.000 đồng này nhưng không làm biên nhận. Bà A xác định khi bà N cho ông T vay thì ông T chỉ có viết vào sổ sách của bà N chứ không bao giờ tự viết và mang đến cho bà N, chỉ có một bản do phía bà N giữ, đối với số tiền vay nhỏ thì khi ông T trả tiền bà N có thể không làm giấy tờ biên nhận, nhưng đối với số tiền lớn, khi ông T trả tiền bà N sẽ gạch chéo và trả lại ông T giấy vay tiền. Việc bắt buộc khi trả tiền phải có bút tích của gia đình bà N ghi số ngày vay hay tiền lãi thì ông T không xác định được, ông T chỉ biết trả tiền và nhận lại giấy vay tiền thôi.

Chị Ngô Thị Như N1 vẫn giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Chị N1 không thừa nhận giấy vay tiền ghi ngày 24/5/2018 với số tiền 500.000.000 đồng bị gạch chéo do ông T cung cấp vì cho rằng giấy này không phải gia đình của chị giao trả lại cho ông T sau khi ông T trả tiền mà do ông T tự viết và tự gạch để cho rằng đã trả xong 500.000.000 đồng. Chị N1 không thừa nhận chị có khai tại bản án số 12/2019/DS-ST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa là bà N có viết thêm 3 con số "0" vào phía sau của số

"500.000", mà chị luôn có lời khai thống nhất là 3 con số "0" do ông T ghi, bà N chỉ viết bằng chữ "năm trăm triệu đồng", bản án nhận định như thế có thể là do sai sót. Thông thường, khi bà N cho ông T vay, có khi ông T viết sẵn bằng sổ của ông T rồi mang đến cho bà N, có khi viết từ sổ bà N và chỉ có một bản do bà N giữ, đối với số tiền nhỏ khi ông T trả thì thường không làm giấy tờ nhưng đối với số tiền lớn, nếu ông T trả tiền thì bà N sẽ gạch chéo nhưng phải có bút tích của gia đình bà N ghi trả rồi hoặc ghi ngày vay và tiền lãi là bao nhiêu để ông T rõ và trả lại giấy vay cho ông T. Tương tự những người vay khác trong sổ sách của bà N do bà N cung cấp cũng thể hiện khi người vay trả tiền thì gia đình bà N sẽ ghi số ngày vay và tiền lãi rồi gạch chéo để thể hiện người vay trả tiền rồi, nói chung phải có bút tích của gia đình bà N để tránh trường hợp người vay tự làm giả giấy rồi gạch chéo. Bà Ngà xác định người vay có thể vay rất nhiều khoản, khoản vay trước chưa trả bà N cũng có thể cho vay tiếp và người vay tiền trả khoản nào thì lấy giấy của khoản đó ra xử lý chứ không gộp chung lại.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:*

Về tính hợp lệ của kháng cáo: đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Bà N khởi kiện với chứng cứ là Giấy vay tiền ghi ngày 24/5/2018 do bà N cung cấp thì phần chữ số ghi 500.000.000đ, phần chữ ghi *năm triệu chẵn*, ông T cho rằng giấy vay này là vay 5.000.000đ. Tại bản án số 12/2019/DS-ST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa chị N1 có lời trình bày là bà N có viết thêm 3 con số 0 vào phía sau số 500.000. Với chứng cứ trên đủ cơ sở xác định giấy vay tiền này là của khoản nợ 5.000.000 đồng. Ngoài ra ông T cung cấp Giấy vay tiền ghi ngày 24/5/2018 vay 500.000.000 đồng nhưng đã bị gạch chéo và 02 Giấy vay tiền ghi ngày 09/6/2018 và 13/6/2018 đều có cùng chủng loại và kiểu giấy, trong khi 02 Giấy vay tiền ngày 09/6/2018 và 13/6/2018 chị N1 thừa nhận là viết từ sổ của bà N thì không lý gì giấy vay tiền ghi ngày 24/5/2018 không phải viết từ sổ của bà N. Do đó có cơ sở xác định ông T đã trả khoản vay 500.000.000 đồng cho bà N rồi. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà N.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về thủ tục tố tụng:*

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N1 và bà A có mặt, ông H có văn bản xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:***

[3] Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Bà N khởi kiện ông T yêu cầu trả 500 triệu đồng, chứng cứ chứng minh cho việc ông T có vay 500 triệu đồng là tờ giấy vay tiền ghi ngày 24/5/1018 (các bên thống nhất là ngày 24/5/2018) do bà N cung cấp. Xét tờ giấy vay tiền ngày 24/5/1018 thấy rằng:

[5] Trong phần nội dung tờ giấy, thì phần chữ số ghi 500.000.000đ, ngay phía dưới là phần chữ viết ghi *năm triệu chẵn*, phần phía dưới tờ giấy do bà N ghi *năm trăm triệu chẵn*. Bà N cho rằng phần chữ số ghi 500.000.000đ là do ông T ghi, ông T thì cho rằng 3 con số '0' phía sau số 500.000 là do bà N ghi. Kết luận giám định không đủ cơ sở xác định 3 con số '0' phía sau số 500.000 là do ông T viết ra. Tại Bản án số 12/2019/DS-ST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa ghi lời trình bày của chị N1, người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án (trang 6 dòng 18, 19, 20) có khai người sửa số cho đúng 500.000.000 đồng là bà N.

[6] Như vậy, với nội dung tờ giấy vay tiền ghi ngày 24/5/1018, kết hợp kết luận giám định và lời trình bày của chị N1 tại Bản án số 12/2019/DS-ST thì tờ giấy vay tiền này không chứng minh được ông T có vay của bà N 500 triệu đồng.

[7] Về tờ giấy vay tiền ngày 24/5/2018 với số tiền vay 500 triệu đồng (đã bị gạch chéo) do ông T cung cấp tại cấp phúc thẩm thấy rằng:

[8] Ông T xác định ngày 24/5/2018 ông vay hai lần, buổi sáng vay 500 triệu đồng bằng giấy vay tiền này (giấy vay tiền ngày 24/5/2018 do ông T cung cấp); buổi chiều vay 5 triệu bằng giấy vay tiền ghi ngày 24/5/1018 (do bà N cung cấp). Chị N1 xác định vào ngày 24/5/2018 ông T chỉ vay một lần 500 triệu đồng bằng giấy vay tiền ghi ngày 24/5/1018.

[9] Ông T chứng minh việc vay 500 triệu đồng bằng giấy vay tiền ngày 24/5/2018 (do ông T cung cấp) nhưng chị N1 không thừa nhận mà cho rằng giấy này do ông T tự viết, tự gạch. Tuy nhiên, tờ giấy vay tiền này chỉ có bút tích của ông T, không có bút tích của bên gia đình bà N, ông T cũng không còn chứng cứ nào khác để chứng minh rằng giấy vay tiền này do bên gia đình bà N giao trả lại cho ông T. Do đó, với giấy vay tiền ngày 24/5/2018 do ông T cung cấp là không

chứng minh được có việc vay 500 triệu đồng giữa hai bên, nghĩa là giao dịch vay 500 triệu đồng giữa hai bên không được xác lập bằng giấy vay tiền này.

[10] Như vậy, với giấy vay tiền ghi ngày 24/5/2018 và giấy vay tiền ngày 24/5/2018 là không chứng minh được bà N có cho ông T vay 500 triệu đồng vào ngày 24/5/2018 và cũng không chứng minh được vào ngày 24/5/2018 bà N có cho ông T vay hai khoản tiền như ông T khai.

[11] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ở hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông T đều xác nhận vào ngày 24/5/2018 ông T có vay của bà N 500 triệu đồng, phù hợp với lời khai của bà N nên Hội đồng xét xử xác định ngày 24/5/2018 ông T có vay của bà N 500 triệu đồng. Xét thấy, giấy vay tiền ghi ngày 24/5/2018 vừa có bút tích của ông T, vừa được bà N làm căn cứ khởi kiện nên đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định vào ngày 24/5/2018 hai bên giao dịch vay tiền chỉ bằng tờ giấy vay tiền ghi ngày 24/5/2018 với số tiền vay là 500 triệu đồng; còn việc trên giấy vay tiền này ông T ghi “*năm triệu chẵn*” là do ông T ghi nhầm hoặc bà N ghi “*năm trăm triệu chẵn*” hay có việc bà N thêm 3 con số ‘0’ phía sau số 500.000 là do bà N sửa chữa cho đúng với thực chất giao dịch mà không phải vay 5 triệu đồng như ông T khai.

[12] Về nghĩa vụ trả nợ, ông T cho rằng đã trả cho bà N 500 triệu đồng, chứng minh bằng tờ giấy vay tiền ngày 24/5/2018 đã bị gạch chéo do ông T cung cấp tại cấp phúc thẩm, nghĩa là ông T đã trả tiền rồi nên bà N mới gạch chéo và trả lại giấy vay tiền này cho ông T. Tuy nhiên, chị N1 không thừa nhận đây là giấy vay tiền 500 triệu đồng vào ngày 24/5/2018, mà cho rằng do ông T tự viết rồi tự gạch; ông T cũng không còn chứng cứ nào khác để chứng minh giấy vay tiền này do bên gia đình bà N giao trả lại cho mình để nhằm chứng minh là đã trả tiền rồi. Do đó, bằng tờ giấy vay tiền ngày 24/5/2018 do ông T cung cấp thì không thể chứng minh được ông T đã trả cho bà N 500 triệu đồng. Với nhận định tại đoạn [9] nêu trên, Hội đồng xét xử đã xác định được rằng ông T chưa trả 500 triệu đồng cho bà N nên bà N khởi kiện yêu cầu trả 500 triệu đồng và bản án sơ thẩm xử buộc ông T và bà L liên đới trả nợ vay cho bà N 500 triệu đồng là có căn cứ.

[13] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông T hay bà L đã trả 500 triệu đồng cho bà N nên không chấp nhận kháng cáo và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

[14] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2020/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Thanh Hóa.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 161, 296 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Kim N số tiền nợ vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L phải chịu chi phí trưng cầu giám định là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), ông T và bà L đã nộp xong.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L phải liên đới chịu số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Kim N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí 20.250.000 đồng (hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0003925 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

4. Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Văn T và bà Phùng Thị Cẩm L mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T và bà L mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0003632 và 0003631 cùng ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. Ông T và bà L đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện



thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- . TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- . VKSND tỉnh Long An;
- . TAND huyện;
- . Chi cục THADS huyện;
- . Đường sự;
- . Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tấn Quốc**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Tấn Quốc**